| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 03 - 2018
*(Về việc xin ly hôn)*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Diệp Chí Nguyện
*Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Tâm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Ngô Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 907/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân & gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Chị Phạm Lê H, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số 239/19, đường L, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

-***Bị đơn***: Anh Lâm Văn Đ, sinh năm 1970
Địa chỉ: Nhà không số, đường N nối dài, khóm E, phường S, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

- Về hôn nhân: Chị H trình bày chị và anh Lâm Văn Đ kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể dung hoà được, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Ý kiến của anh Đ tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2017: Về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Về mâu thuẫn, anh Đ xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến các con.

- Về con chung: Chị H xác định có 02 con chung tên Lâm N, sinh ngày 12/3/1994 (đã trưởng thành); Lâm Phạm Yến M, sinh ngày 18/6/2002. Khi ly hôn

chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến M, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

Ý kiến của anh Đ: Anh Đ xác định có 02 con chung tên Lâm N, sinh ngày 12/3/1994 (đã trưởng thành); Lâm Phạm Yến M, sinh ngày 18/6/2002. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu M nhưng anh tôn trọng ý kiến của con, nếu cháu M muốn sống chung với chị H thì anh đồng ý giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; nếu nguyện vọng cháu Minh muốn sống chung với anh thì anh trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

Vào ngày 29/12/2017 Tòa án ghi ý kiến của cháu M, khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu M muốn sống với chị H (mẹ).

- Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác định có nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định xét xử hợp lệ cho anh Đ đến lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, được quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Phạm Lê H về việc xin ly hôn với anh Lâm Văn Đ thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Đ là bị đơn có nơi cư trú và chỗ ở hiện nay tại khóm A, phường B, Tp. C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1992. Về mâu thuẫn: Cả hai xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị H xác định mâu thuẫn không thể dung hoà được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn (cả hai đã ly thân từ năm 2012 đến nay). Đối với anh Đ cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý, vì sẽ ảnh hưởng đến các con. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ chưa thuyết phục được chị H trở về sống cuộc sống vợ chồng và ngược lại chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt, không tham gia phiên tòa, điều đó chưa thể hiện ý trí mong muốn hàng gắn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ xác định có 02 con chung tên Lâm N, sinh ngày 12/3/1994 (đã trưởng thành) nên cả hai không đặt ra yêu cầu giải quyết; Đối với Lâm Phạm Yến M, sinh ngày 18/6/2002 khi ly hôn chị H và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến M, không đặt ra yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh Đ sẽ tôn trọng ý kiến của cháu M khi muốn sống chung với chị H thì anh đồng ý giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Vào ngày 29/12/2017 Tòa án ghi ý kiến của cháu M, nguyện vọng của cháu muốn sống với (mẹ) chị H, khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lâm Phạm Yến M, sinh ngày 18/6/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác định có tài sản nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Lê H về việc xin ly hôn với anh Lâm Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Lâm Phạm Yến M, sinh ngày 18/6/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị H nộp 300.000đ. Vào ngày 14 tháng 11 năm 2017, chị H đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0003977 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Các đương sự Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Diệp Chí Nguyện**

***Nơi nhận*** :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.